

**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ PVI  
SUN LIFE**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6 - 7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 22



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**

Ông Phạm Anh Đức	Chủ tịch
Ông Bùi Vạn Thuận	Thành viên
Ông Phạm Khắc Dũng	Thành viên
Ông Kevin Strain	Thành viên
Ông Dikran Ohannessian	Thành viên

#### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ông Steven Frederick Lorenz	Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2014)
Ông Michael Stewart Elliott	Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2014)
Ông Nguyễn Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 16 tháng 12 năm 2014)
Ông Vũ Thành Lê	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2014)
Ông Lương Quang Ban	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2014)
Ông Huỳnh Tuấn Khoa	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2014)
Ông Vũ Bảo Lâm	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2014)
Ông Đào Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 17 tháng 8 năm 2014)
Ông Phạm Ưu Mộng Lê	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2014)
Ông Luc St Amour	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 16 tháng 12 năm 2014)
Bà Nguyễn Thị Minh Yên	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 23 tháng 9 năm 2014)
Ông Lê Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 02 tháng 12 năm 2014)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

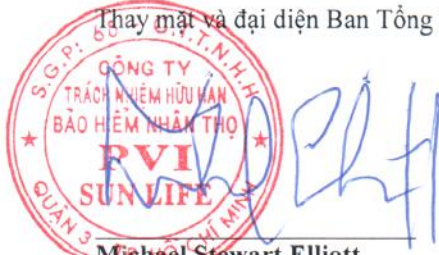
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Michael Stewart Elliott**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 09 tháng 02 năm 2015

- C.  
ÔNG T  
NHIỆM H  
EM NH  
PV  
UN L  
- TP. H  
0-00  
HÁNH  
G TY  
M HỮU  
HITT  
NAP  
HỒ

Số: 386 /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (gọi tắt là "Công ty") được lập vào Ngày 09 tháng 02 năm 2015 từ trang 4 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Lê Đình Tứ**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0488-2013-001-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**  
Ngày 09 tháng 02 năm 2015  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Nguyễn Tuấn Ngọc**  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 2110-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU B01 - DNBH**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			31/12/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150)	<b>100</b>		<b>704.693.010.337</b>	<b>2.008.143.965.182</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>110.031.853.750</b>	<b>1.083.618.536.034</b>
1. Tiền	111		110.031.853.750	76.948.536.034
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.006.670.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>450.000.000.000</b>	<b>844.860.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn khác	128	6	450.000.000.000	844.860.000.000
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>122.860.630.241</b>	<b>62.760.846.500</b>
1. Phải thu khách hàng	131	7	110.314.696.433	60.409.335.264
2. Trả trước cho người bán	132		3.945.192.150	1.653.281.900
3. Các khoản phải thu khác	138		8.678.980.808	698.229.336
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(78.239.150)	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>21.800.526.346</b>	<b>16.904.582.648</b>
1. Tạm ứng	151		430.531.296	948.556.000
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	152		21.360.995.050	15.929.026.648
3. Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	154		9.000.000	27.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240)	<b>200</b>		<b>1.508.952.017.348</b>	<b>156.132.753.108</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>210</b>		<b>85.199.242.218</b>	<b>125.301.200.201</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	211	8	52.313.430.037	77.508.677.509
- Nguyên giá	212		88.014.747.329	91.392.588.596
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(35.701.317.292)	(13.883.911.087)
2. Tài sản cố định vô hình	217	9	32.885.812.181	47.792.522.692
- Nguyên giá	218		61.314.529.454	56.853.345.326
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(28.428.717.273)	(9.060.822.634)
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>220</b>		<b>1.331.294.603.695</b>	<b>1.600.000.000</b>
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	221	10	829.694.603.695	-
2. Đầu tư dài hạn khác	228	11	501.600.000.000	1.600.000.000
<b>III. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>92.458.171.435</b>	<b>29.231.552.907</b>
1. Ký quỹ bảo hiểm	241	12	12.000.000.000	12.000.000.000
2. Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn khác	242		2.103.026.281	1.493.696.625
3. Chi phí trả trước dài hạn	243	13	78.355.145.154	15.737.856.282
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250=100+200)</b>	<b>250</b>		<b>2.213.645.027.685</b>	<b>2.164.276.718.290</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Mẫu B01 - DNBH**

Đơn vị: VND

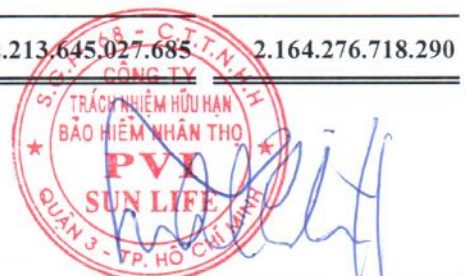
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320+340)</b>	<b>300</b>		<b>1.195.528.363.522</b>	<b>1.027.728.267.122</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.475.902.324</b>	<b>80.780.885.795</b>
1. Phải trả người bán	313		6.727.700.769	66.737.902.578
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	14	1.546.295.370	13.284.280.085
3. Phải trả người lao động	316		8.672.985	24.739.991
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	318		1.193.233.200	733.963.141
<b>II. Dự phòng nghiệp vụ</b>	<b>320</b>	<b>15</b>	<b>1.168.641.727.853</b>	<b>916.862.901.270</b>
1. Dự phòng toán học	332		14.108.567.536	2.715.994.042
2. Dự phòng cho sản phẩm bảo hiểm liên kết chung và hưu trí tự nguyện	334		1.154.035.989.293	913.649.736.204
3. Dự phòng bảo đảm cân đối	336		497.171.024	497.171.024
<b>III. Nợ khác</b>	<b>340</b>		<b>17.410.733.345</b>	<b>30.084.480.057</b>
1. Chi phí phải trả	341	16	17.410.733.345	30.084.480.057
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>1.018.116.664.163</b>	<b>1.136.548.451.168</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>1.018.116.664.163</b>	<b>1.136.548.451.168</b>
1. Vốn điều lệ	411		1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		1.827.422.558	1.827.422.558
3. (Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận chưa phân phối	418		(83.710.758.395)	34.721.028.610
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2.213.645.027.685</b>	<b>2.164.276.718.290</b>



Dương Thị Ngọc Tâm  
Người lập



Nguyễn Vương Huỳnh  
Kế toán trưởng



Michael Stewart Elliott  
Tổng Giám đốc  
Ngày 09 tháng 02 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU B02 - DNBH**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	Từ 24/01/2013 đến 31/12/2013
1. Phí bảo hiểm gốc	01		276.036.201.009	1.025.185.157.724
2. Trừ các khoản khấu trừ (03=04+05+06)	03		2.300.422.963	1.384.426.940
- Phí nhượng tái bảo hiểm	04		151.997.008	106.373.941
- Giảm phí bảo hiểm	05		577.886.086	1.120.635.834
- Hoàn phí bảo hiểm	06		1.570.539.869	157.417.165
3. Tăng dự phòng phí và dự phòng toán học	08a	15	11.392.573.494	2.715.994.042
4. Tăng dự phòng quỹ bảo hiểm liên kết chung	08b	15	60.566.700.471	913.649.736.204
5. Tăng dự phòng kỹ thuật cho sản phẩm bảo hiểm hưu trí	08c	15	179.819.552.618	-
6. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14=01-03-08a-08b-08c)	14		21.956.951.463	107.435.000.538
7. Chi bồi thường Bảo hiểm gốc, trả tiền bảo hiểm	15		10.104.311.422	-
8. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (25=27+31+33)	25		11.629.591.071	5.605.484.872
- Chi hoa hồng	27		10.176.418.390	3.523.392.363
- Chi đánh giá rủi ro	31		173.633.000	10.750.000
- Chi khác	33		1.279.539.681	2.071.342.509
9. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41=15+25)	41		21.733.902.493	5.605.484.872
10. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (42=14-41)	42		223.048.970	101.829.515.666
11. Chi phí bán hàng	43		52.527.916.692	18.703.390.345
12. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44		213.021.526.081	113.857.663.978
13. Lỗ thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (45=42-43-44)	45		(265.326.393.803)	(30.731.538.657)
14. Doanh thu hoạt động tài chính	46	18	142.786.025.718	80.448.413.778
15. Chi hoạt động tài chính	47		189.065.613	-
16. Lợi nhuận hoạt động tài chính (51=46-47)	51		142.596.960.105	80.448.413.778



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU B02 - DNBH**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 24/01/2013 đến 31/12/2013	
			2014	
17. Thu nhập khác	52		13.813.903.925	227.287
18. Chi phí khác	53		9.516.257.232	-
<b>19. Lợi nhuận khác (54=52-53)</b>	<b>54</b>		<b>4.297.646.693</b>	<b>227.287</b>
20. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế (55=45+51+54)	55		(118.431.787.005)	49.717.102.408
21. Dự phòng đảm bảo cân đối	58	15	-	497.171.024
<b>22. (Lỗ)/Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (59=55-58)</b>	<b>59</b>		<b>(118.431.787.005)</b>	<b>49.219.931.384</b>
23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60	19	-	12.671.480.216
<b>24. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế (61=59-60)</b>	<b>61</b>		<b>(118.431.787.005)</b>	<b>36.548.451.168</b>

Dương Thị Ngọc Tâm  
Người lập

Nguyễn Vương Huỳnh  
Kế toán trưởng





Michael Stewart Elliott  
Tổng Giám đốc  
Ngày 09 tháng 02 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU B03 – DNBH**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 24/01/2013 đến 31/12/2013	
		2014	
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ phí bảo hiểm gốc và hoa hồng	01	282.128.870.582	1.026.497.649.805
2. Tiền thu các khoản nợ phí và hoa hồng	02	673.092.368	-
3. Tiền thu từ chi phí giảm trừ	03	3.061.565.758	39.433.701
4. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh khác	04	14.586.407.274	8.545.188.341
5. Tiền chi trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(8.073.190.054)	-
6. Tiền chi hoa hồng và chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	06	(37.832.879.045)	(8.950.882.624)
7. Tiền chi trả cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	07	(152.284.950.045)	(59.314.478.900)
8. Tiền chi trả cho người lao động	08	(67.490.785.770)	(23.028.629.454)
9. Tiền chi nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	09	(27.130.665.247)	(2.806.624.980)
10. Tiền chi khác	10	(22.757.313.333)	(33.887.027.677)
11. Tiền ứng trước cho người lao động và nhà cung cấp	11	(54.220.651.898)	(59.444.667.584)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(69.340.499.410)</b>	<b>847.649.960.628</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu hồi đầu tư vào tiền gửi và trái phiếu	21	644.860.000.000	40.000.000.000
2. Tiền chi đầu tư vào tiền gửi và trái phiếu	25	(1.585.740.076.130)	(836.460.000.000)
3. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	26	(63.385.213.666)	(38.134.555.612)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.004.265.289.796)</b>	<b>(834.594.555.612)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu do đi vay	31	255.450.000.000	-
2. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	32	-	1.050.000.000.000
3. Tiền thu lãi tiền gửi	33	100.019.106.922	20.563.131.018
4. Tiền đã trả nợ vay	34	(255.450.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>100.019.106.922</b>	<b>1.070.563.131.018</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(973.586.682.284)</b>	<b>1.083.618.536.034</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm/kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1.083.618.536.034</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm/kỳ (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>110.031.853.750</b>	<b>1.083.618.536.034</b>

  
Dương Thị Ngọc Tâm  
Người lập

  
Nguyễn Vương Huỳnh  
Kế toán trưởng

  
Michael Stewart Elliott  
Tổng Giám đốc  
Ngày 09 tháng 02 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (gọi tắt là “Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động trong vòng 50 năm theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 68GP/KDBH ngày 24 tháng 01 năm 2013 do Bộ Tài chính cấp.

Chủ sở hữu của Công ty là Công ty Cổ phần PVI, thành lập tại Việt Nam và Sun Life Assurance Company of Canada, thành lập tại Canada.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 244 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 204 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam bao gồm kinh doanh bảo hiểm gốc (bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe), kinh doanh tái bảo hiểm, quản lý quỹ, đầu tư vốn vào các lĩnh vực được pháp luật Việt Nam cho phép và tất cả các hoạt động khác được quy định theo pháp luật Việt Nam.

Các sản phẩm của Công ty:

- Bảo hiểm từ kỳ có hoàn phí
- Bảo hiểm từ kỳ tai nạn cá nhân
- Bảo hiểm hỗn hợp - Quyền lợi học vấn
- Bảo hiểm liên kết chung-Thời hạn 10 năm-đóng phí 3 năm
- Bảo hiểm liên kết chung trọn đời
- Bảo hiểm hỗn hợp -thời hạn 10 năm - đóng phí 3 năm
- Bảo hiểm hỗn hợp -thời hạn 15 năm - đóng phí 5 năm
- Bảo hiểm hưu trí
- Bảo hiểm tai nạn bổ sung

**2. CƠ SỞ BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 24 tháng 01 năm 2013 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 17 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 194/2014/TT-BTC (“Thông tư 194”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm và Nghị định số 123/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Thông tư 194 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2015 và áp dụng cho năm tài chính 2015 trở đi. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ ngắn hạn, đầu tư dài hạn và ký quỹ dài hạn khác

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng, chi phí phải trả và các khoản dự phòng nghiệp vụ.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng nợ khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự và có thể không thể thanh toán các khoản nợ.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Máy móc và thiết bị	3
Phương tiện vận tải	6

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện các phần mềm dùng trong quản lý nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ và một số các phần mềm máy tính khác. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

**Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu toàn bộ rủi ro về sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện giá trị thẻ hội viên Câu lạc bộ sân golf, chi phí thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Giá trị thẻ hội viên này được ghi nhận theo giá mua và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hội viên là 20 năm và 23 năm. Chi phí thuê văn phòng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 năm đến 39 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ loại nhỏ, thiết bị văn phòng, chi phí trang thiết bị được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn dài một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ trên 1 năm đến 3 năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

**Doanh thu từ phí bảo hiểm nhân thọ**

Doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ bao gồm phí bảo hiểm đóng một lần và phí bảo hiểm đóng định kỳ được ghi nhận trên cơ sở phát sinh, phí bảo hiểm chưa thu được ghi nhận là doanh thu trong giai đoạn nợ phí cho phép theo hợp đồng hoặc khi được bảo đảm bằng giá trị giải ước của hợp đồng. Các khoản phí bảo hiểm chưa đến hạn nhưng lại được thu trước ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận như "Phí bảo hiểm ứng trước" và được bao gồm trong chỉ tiêu "Các khoản phải trả, phải nộp khác" trên Bảng cân đối kế toán.

Phí bảo hiểm được ghi nhận theo các quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tổng phí thu được từ các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung và bảo hiểm hưu trí tự nguyện được ghi nhận là doanh thu. Giá trị quỹ liên kết chung và quỹ bảo hiểm hưu trí tự nguyện của bên mua bảo hiểm được tính toán bởi chuyên gia tính toán và được ghi nhận tại chỉ tiêu Dự phòng nghiệp vụ trên Bảng cân đối kế toán. Phí bảo hiểm từ các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung và hợp đồng bảo hiểm hưu trí tự nguyện được ghi nhận riêng biệt cho doanh thu của Quỹ liên kết chung đầu tư (cho mục đích đầu tư) và Quỹ liên kết chung tổng hợp (cho mục đích bảo hiểm).

*Thu nhập hoạt động tài chính*

Thu nhập từ hoạt động tài chính là các khoản lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở phát sinh. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở phát sinh, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm**

Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm bao gồm chi phí giải quyết quyền lợi bảo hiểm, chi hoa hồng, chi giám định, và chi đề phòng hạn chế tổn thất rủi ro.

*Chi giải quyết quyền lợi bảo hiểm:* Chi giải quyết quyền lợi bảo hiểm bao gồm chi đáo hạn hợp đồng, chi giải ước hợp đồng trước hạn, và chi trả tiền bồi thường bảo hiểm. Các khoản chi phí này được ghi nhận trên cơ sở các hồ sơ giải quyết quyền lợi bảo hiểm được phê duyệt bởi Công ty.

*Chi hoa hồng:* Hoa hồng là chi phí phải trả cho đại lý bảo hiểm nhân thọ thay mặt cho Công ty khai thác bảo hiểm, thu phí bảo hiểm và duy trì hợp đồng bảo hiểm. Chi phí hoa hồng được ghi nhận trên cơ sở phát sinh, dựa trên cơ sở doanh thu phí bảo hiểm và tỷ lệ hoa hồng định mức quy định bởi Công ty cho từng sản phẩm bảo hiểm và từng năm hợp đồng và phù hợp với Thông tư số 124/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012.

*Chi giám định và đề phòng hạn chế tổn thất rủi ro:* Chi giám định và đề phòng hạn chế tổn thất rủi ro được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

**Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm**

Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của Công ty được thực hiện theo Thông tư số 125/2012/TT-BTC ("Thông tư 125"), Thông tư số 115/2013/TT-BTC và Quyết định 96/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành, cụ thể như sau:

a) Dự phòng kỹ thuật cho các sản phẩm truyền thống

- Dự phòng toán học được xác định theo phương pháp phí bảo hiểm thuần hoặc phí bảo hiểm gộp được xác định riêng cho từng loại sản phẩm bảo hiểm và được dựa trên cơ sở các giả định, phương pháp đã được Công ty đăng ký và phê duyệt bởi Bộ Tài Chính.
- Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập đối với doanh thu phí bảo hiểm cho giai đoạn sau ngày kết thúc niên độ kế toán nhưng trong vòng năm tiếp theo. Dự phòng phí chưa được hưởng được Công ty trích lập đối với tất cả các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn dưới 1 năm.
- Dự phòng bồi thường được trích lập theo phương pháp tổng hợp các khiếu nại đã phát sinh nhưng chưa giải quyết tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

b) Dự phòng kỹ thuật đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết chung:

- Dự phòng rủi ro bảo hiểm được trích lập là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng bảo hiểm.
- Dự phòng bồi thường được trích lập cho từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung là giá trị hoàn lại của hợp đồng trong quỹ liên kết chung. Giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm liên kết chung phải bảo đảm các cam kết tại hợp đồng bảo hiểm.
  - Dự phòng bảo đảm khả năng thanh toán bổ sung được dùng để bảo đảm cam kết của doanh nghiệp đối với khách hàng theo thoả thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi thị trường đầu tư có biến động lớn.
- c) Dự phòng kỹ thuật đối với sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện:
- Dự phòng rủi ro bảo hiểm được trích lập là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng bảo hiểm.
  - Dự phòng bồi thường được trích lập cho từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
  - Dự phòng nghiệp vụ đối với phần hưu trí tự nguyện là tổng giá trị tài khoản của hợp đồng bảo hiểm hưu trí tại thời điểm lập dự phòng.
  - Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu là dự phòng dùng để đảm bảo lãi suất cam kết tối thiểu của doanh nghiệp đối với khách hàng theo thoả thuận tại hợp đồng bảo hiểm hưu trí.
- d) Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập hàng năm là một (01) phần trăm từ lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng năm (05) phần trăm phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của doanh nghiệp.

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 - Hợp đồng bảo hiểm thì các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, hiện tại chưa có các hướng dẫn chính thức của Bộ Tài chính liên quan đến chuẩn mực này nên dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012.

Các phương pháp và nguyên lý tính toán được áp dụng để ước tính dự phòng bảo hiểm liên kết chung và bảo hiểm hưu trí tự nguyện đã được đăng ký và được Bộ Tài chính phê duyệt.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các chủ sở hữu.

**Các khoản dự phòng khác**

Các khoản dự phòng khác được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Phân phối quỹ**

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty theo Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 do Chính phủ ban hành.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	490.683.875	121.389.469
Tiền gửi ngân hàng	109.541.169.875	76.827.146.565
Các khoản tương đương tiền	-	1.006.670.000.000
	<b><u>110.031.853.750</u></b>	<b><u>1.083.618.536.034</u></b>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN KHÁC**

Các khoản đầu tư ngắn hạn khác thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam với thời gian đáo hạn là một năm hoặc ngắn hơn và hưởng mức lãi suất từ 6,5%/năm đến 7,5%/năm (năm 2013: từ 8,1%/năm đến 10,5%/năm).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu phí bảo hiểm	1.961.891.643	521.525.218
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng và trái phiếu	108.352.804.790	59.887.810.046
	<u><b>110.314.696.433</b></u>	<u><b>60.409.335.264</b></u>

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc và thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	85.366.808.596	6.025.780.000	91.392.588.596
Tăng	12.977.981.925	-	12.977.981.925
Thanh lý	(13.767.294.732)	-	(13.767.294.732)
Giảm khác	(2.588.528.460)	-	(2.588.528.460)
Tại ngày 31/12/2014	<u>81.988.967.329</u>	<u>6.025.780.000</u>	<u>88.014.747.329</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	13.513.654.289	370.256.798	13.883.911.087
Khấu hao trong năm	25.321.692.332	1.003.380.338	26.325.072.670
Thanh lý	(4.266.982.871)	-	(4.266.982.871)
Giảm khác	(240.683.594)	-	(240.683.594)
Tại ngày 31/12/2014	<u>34.327.680.156</u>	<u>1.373.637.136</u>	<u>35.701.317.292</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2014	<u><b>47.661.287.173</b></u>	<u><b>4.652.142.864</b></u>	<u><b>52.313.430.037</b></u>
Tại ngày 31/12/2013	<u><b>71.853.154.307</b></u>	<u><b>5.655.523.202</b></u>	<u><b>77.508.677.509</b></u>

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2014	56.853.345.326
Tăng	12.031.436.010
Giảm khác	(7.570.251.882)
Tại ngày 31/12/2014	<u>61.314.529.454</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2014	9.060.822.634
Khấu hao trong năm	21.476.852.867
Giảm khác	(2.108.958.228)
Tại ngày 31/12/2014	<u>28.428.717.273</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2014	<u><b>32.885.812.181</b></u>
Tại ngày 31/12/2013	<u><b>47.792.522.692</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN DÀI HẠN**

2014

VND

Tại ngày 01 tháng 01

-

Tăng trong năm

829.812.635.571

Phân bổ chiết khấu

(118.031.876)**Tại ngày 31 tháng 12****829.694.603.695**

Đầu tư chứng khoán dài hạn thể hiện các khoản đầu tư trái phiếu chính phủ với thời gian là 5 năm, 10 năm và 15 năm, lãi suất lần lượt từ 8,7% đến 9% một năm. Toàn bộ trái phiếu này sẽ đáo hạn vào năm 2019, năm 2024 và năm 2029. Công ty có kế hoạch nắm giữ những trái phiếu này cho đến ngày đáo hạn.

**11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam với thời gian đáo hạn là hơn một năm và hưởng mức lãi suất từ 7,5%/năm đến 8,5%/năm (năm 2013: từ 8,3%/năm đến 8,5%/năm).

**12. KÝ QUỸ BẮT BUỘC**

Ký quỹ bắt buộc thể hiện khoản ký quỹ của Công ty vào một ngân hàng thương mại trong nước theo quy định của Luật Kinh doanh Bảo hiểm và có giá trị tương đương 2% vốn pháp định bắt buộc đối với các công ty bảo hiểm nhân thọ (600 tỷ đồng) và sẽ được thu hồi khi Công ty chấm dứt hoạt động.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Thẻ hội viên sân golf	4.399.161.220	1.255.450.000
Chi phí sửa chữa văn phòng	11.276.286.634	6.241.318.544
Phần mềm	145.291.667	65.260.658
Công cụ, dụng cụ	9.068.235.455	8.175.827.080
Chi phí thuê văn phòng	52.916.673.814	-
Khác	549.496.364	-
	<b><u>78.355.145.154</u></b>	<b><u>15.737.856.282</u></b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Thuế thu nhập cá nhân	545.092.859	612.799.869
Thuế nhà thầu	1.001.202.511	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	12.671.480.216
	<b><u>1.546.295.370</u></b>	<b><u>13.284.280.085</u></b>

**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ PVI SUN LIFE**20-22 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

	31/12/2013	Tăng/giảm thuần trong năm	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự phòng toán học	2.715.994.042	11.392.573.494	14.108.567.536
Dự phòng đảm bảo cân đối	497.171.024	-	497.171.024
Dự phòng cho sản phẩm bảo hiểm liên kết chung	913.649.736.204	60.566.700.471	974.216.436.675
Dự phòng cho sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện	-	179.819.552.618	179.819.552.618
	<b><u>916.862.901.270</u></b>	<b><u>251.778.826.583</u></b>	<b><u>1.168.641.727.853</u></b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí phát triển sản phẩm	-	2.071.342.509
Thưởng cho đại lý và tư vấn bảo hiểm	3.063.980.272	3.385.173.661
Lương và thưởng cho người lao động	9.132.238.774	16.290.776.763
Chi phí bảo hành và hỗ trợ	-	4.792.561.108
Chi phí quản lý khác	5.214.514.299	3.544.626.016
	<b><u>17.410.733.345</u></b>	<b><u>30.084.480.057</u></b>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Quỹ dự trữ bắt buộc	(Lỗ lũy kế)/ Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư tại ngày 24/01/2013	-	-	-	-
Tăng vốn trong kỳ	1.100.000.000.000	-	-	1.100.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	36.548.451.168	36.548.451.168
Trích lập quỹ	-	1.827.422.558	(1.827.422.558)	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2013</b>	<b>1.100.000.000.000</b>	<b>1.827.422.558</b>	<b>34.721.028.610</b>	<b>1.136.548.451.168</b>
Lỗ trong năm	-	-	(118.431.787.005)	(118.431.787.005)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b><u>1.100.000.000.000</u></b>	<b><u>1.827.422.558</u></b>	<b><u>(83.710.758.395)</u></b>	<b><u>1.018.116.664.163</u></b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty đã được các chủ sở hữu góp đủ như sau:

	%	31/12/2014	31/12/2013
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần PVI	51	561.000.000.000	561.000.000.000
Sun Life Assurance Company of Canada	49	539.000.000.000	539.000.000.000
	<b>100</b>	<b><u>1.100.000.000.000</u></b>	<b><u>1.100.000.000.000</u></b>

**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ PVI SUN LIFE**

20-22 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2014	Từ 24/01/2013 đến 31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	93.864.400.830	80.448.413.778
Lãi đầu tư trái phiếu	48.576.736.299	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	344.888.589	-
	<u><b>142.786.025.718</b></u>	<u><b>80.448.413.778</b></u>

**19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2014	Từ 24/01/2013 đến 31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	(118.431.787.005)	49.219.931.384
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.982.931.674	1.465.989.480
(Lỗ)/Thu nhập chịu thuế	<u><b>(115.448.855.331)</b></u>	<u><b>50.685.920.864</b></u>
Thuế suất áp dụng	22%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<u><b>-</b></u>	<u><b>12.671.480.216</b></u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% (năm 2013: 25%) trên thu nhập chịu thuế. Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 115.448.855.331 đồng có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ này vì Công ty không chắc chắn có đủ lợi nhuận trong tương lai để sử dụng. Các khoản lỗ tính thuế này sẽ hết hạn chuyển lỗ sau 5 năm tính từ năm phát sinh lỗ (năm 2019).

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính.

**20. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG**

	2014	Từ 24/01/2013 đến 31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm/kỳ	<u><b>19.769.669.710</b></u>	<u><b>19.037.917.083</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	19.058.528.320	17.076.396.736
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	10.393.302.233	15.516.855.613
Sau năm năm	45.496.196.838	-
	<b><u>74.948.027.391</u></b>	<b><u>32.593.252.349</u></b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền Công ty phải trả để thuê văn phòng và căn hộ cho chuyên gia. Các hợp đồng thuê này được thương lượng cho thời hạn từ 1 năm đến 3 năm.

**21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn điều lệ, quỹ dự trữ bắt buộc và (lỗ lũy kế)/lợi nhuận chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ 31/12/2014	Giá trị ghi sổ 31/12/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	110.031.853.750	1.083.618.536.034
Phải thu khách hàng và phải thu khác	118.993.677.241	61.107.564.600
Đầu tư ngắn hạn	450.000.000.000	844.860.000.000
Ký quỹ ngắn hạn	9.000.000	27.000.000
Đầu tư dài hạn	1.331.294.603.695	1.600.000.000
Ký quỹ dài hạn khác	2.103.026.281	1.493.696.625
	<b><u>2.012.432.160.967</u></b>	<b><u>1.992.706.797.259</u></b>
	Giá trị ghi sổ 31/12/2014	Giá trị ghi sổ 31/12/2013
	VND	VND
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả khách hàng	6.727.700.769	66.737.902.578
Chi phí phải trả	17.410.733.345	30.084.480.057
Dự phòng nghiệp vụ	1.168.641.727.853	916.862.901.270
	<b><u>1.192.780.161.967</u></b>	<b><u>1.013.685.283.905</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu các rủi ro về tài chính khi có sự thay đổi về lãi suất. Rủi ro về lãi suất phát sinh từ các khoản thu nhập mang lại từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, và sự chênh lệch giữa thời hạn chịu trách nhiệm bảo hiểm và thời gian đầu tư tài sản tương ứng. Những rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì mức độ hợp lý của danh mục đầu tư và xem xét mức độ tương ứng giữa tài sản đầu tư và thời hạn bảo hiểm.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty thường xuyên theo dõi rủi ro tín dụng đối với các đối tác quan trọng để hạn chế rủi ro tập trung.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Công ty thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Do tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản ròng, nên việc trình bày thông tin đầu tư tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc tác quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	110.031.853.750	-	110.031.853.750
Phải thu khách hàng, phải thu khác	118.993.677.241	-	118.993.677.241
Đầu tư ngắn hạn	450.000.000.000	-	450.000.000.000
Các khoản ký gửi ngắn hạn	9.000.000	-	9.000.000
Đầu tư dài hạn	-	1.331.294.603.695	1.331.294.603.695
Các khoản ký gửi dài hạn khác	-	2.103.026.281	2.103.026.281
	<b>679.034.530.991</b>	<b>1.333.397.629.976</b>	<b>2.012.432.160.967</b>
Phải trả khách hàng	6.727.700.769	-	6.727.700.769
Chi phí phải trả	17.410.733.345	-	17.410.733.345
Dự phòng nghiệp vụ	-	1.168.641.727.853	1.168.641.727.853
	<b>24.138.434.114</b>	<b>1.168.641.727.853</b>	<b>1.192.780.161.967</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>654.896.096.877</b>	<b>164.755.902.123</b>	<b>819.651.999.000</b>
31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.083.618.536.034	-	1.083.618.536.034
Phải thu khách hàng, phải thu khác	61.107.564.600	-	61.107.564.600
Đầu tư ngắn hạn	844.860.000.000	-	844.860.000.000
Các khoản ký gửi ngắn hạn	27.000.000	-	27.000.000
Đầu tư dài hạn	-	1.600.000.000	1.600.000.000
Các khoản ký gửi dài hạn khác	-	1.493.696.625	1.493.696.625
	<b>1.989.613.100.634</b>	<b>3.093.696.625</b>	<b>1.992.706.797.259</b>
Phải trả khách hàng	66.737.902.578	-	66.737.902.578
Chi phí phải trả	30.084.480.057	-	30.084.480.057
Dự phòng nghiệp vụ	-	916.862.901.270	916.862.901.270
	<b>96.822.382.635</b>	<b>916.862.901.270</b>	<b>1.013.685.283.905</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>1.892.790.717.999</b>	<b>(913.769.204.645)</b>	<b>979.021.513.354</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần PVI  
Sun Life Assurance Company of Canada  
Sun Life Assurance Company of Philippines  
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Chủ sở hữu  
Chủ sở hữu  
Công ty chung tập đoàn Sun Life  
Công ty chung Tập đoàn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DNBH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Trong năm/kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2014	Từ 24/01/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
<b>Phí bảo hiểm</b>		
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	<u>228.152.208.403</u>	<u>1.006.970.000.000</u>

**Mua hàng, sử dụng dịch vụ**

Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	56.373.830.488	41.123.240.212
Sun Life Assurance Company of Canada	9.410.253.000	28.046.414.452
Sun Life Assurance Company of Philippines	-	31.987.516.990

Thu nhập Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm/kỳ như sau:

	2014	Từ 24/01/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	<u>14.064.402.293</u>	<u>6.680.754.913</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Phải thu</b>		
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	300.000.000

**Phải thu khác**

Sun Life Assurance Company of Canada	3.156.307.178	602.745.000
Sun Life Assurance Company of Philippines	<u>14.060.457.746</u>	-

**Phải trả**

Sun Life Assurance Company of Canada	-	18.359.592.870
Sun Life Assurance Company of Philippines	-	<u>31.772.057.031</u>

**Chi phí phải trả**

Sun Life Assurance Company of Canada	-	<u>9.462.845.430</u>
--------------------------------------	---	----------------------

**21. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính hiện hành gồm 12 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014. Các số liệu tương ứng trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh kèm theo cho giai đoạn từ ngày 24 tháng 01 năm 2013 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là báo cáo tài chính đầu tiên của Công ty, và do đó có thể không thể so sánh với số liệu năm hiện hành.




**Dương Thị Ngọc Tâm**  
Người lập



**Nguyễn Vương Huỳnh**  
Kế toán trưởng



  
**Michael Stewart Elliott**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 09 tháng 02 năm 2015